TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/DS-PT
Ngày: 03-3-2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Ông Nguyễn Văn Trường

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** - Ông Nguyễn Văn Bé Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLPT-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 102/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19 /2020/QĐ-PT, ngày 14 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1970; địa chỉ: T, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Huỳnh Duy K, sinh năm 1992; địa chỉ: B, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long – Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2019); có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1966, có mặt.

2.2. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1965, có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo:

4.1.Bà Huỳnh Thị B - Nguyên đơn.

4.2. Ông Trần Văn H1 và bà Nguyễn Thị Kim N - Là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Trong đơn khởi kiện ngày 28/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị B và người đại diện hợp pháp của bà B có anh Huỳnh Duy K đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà B cho bà Nguyễn Thị Kim N, ông Trần Văn H1 vay tiền nhiều lần để chi tiêu trong gia đình. Ngày 15/12/2018 bà N ký tên giấy vay tiền 239.000.000đ, sau đó bà B nhiều lần yêu cầu bà N, ông H1 trả nợ nhưng các bị đơn không thực hiện. Vì vậy bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N và ông H1 trả cho bà B số nợ gốc 239.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 15/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày: Bà N không có vay tiền của bà B, biên nhận ngày 15/12/2018 có nguồn gốc từ việc chơi hụi của bà B và bà N còn nợ bà B tiền hụi nên bà B viết giấy vay tiền và yêu cầu bà N và ông Hùng ký tên để chốt nợ, bà N có ký tên trong giấy vay tiền 239.000.000 đồng nhưng trong đó chỉ có 96.000.000 đồng tiền hụi. Còn lại là số tiền lãi và số tiền 30.000.000 đồng là do bà B vay của người khác. Nay bà N xin trả cho bà B số tiền nợ hụi 96.000.000 đồng và yêu cầu yêu cầu bà B giảm tiền lãi và xin trả dần đến khi hết nợ.

* Bị đơn ông Hùng vắng mặt và đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ đúng quy định của pháp luật.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 102/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;Áp dụng các điều 463, 468, 469, 471 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B: Buộc bà Nguyễn Thị Kim N và ông Trần Văn H1 có nghĩa vụ trả cho bà B 218.110.356đ (trong đó: tiền gốc 209.000.000đ, tiền lãi 9.110.356đ)

- Không chấp nhận yêu cầu của bà B về số tiền 30.000.000đ bảo lãnh cho bà N vay; tiền lãi từ 15/12/2018 đến ngày 10/4/2019, tương ứng số tiền không được chấp nhận là 37.232.344đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả; về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

- Ngày 05/12/2020 nguyên đơn bà Huỳnh Thị B kháng cáo một phần quyết định của bản án sơ thẩm.Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bà N và ông H1 trả cho bà B số tiền bảo lãnh vay 30.000.000 đồng và tiền lãi 195.342.700 đồng.

- Ngày 05/12/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà N được trả cho bà B số tiền nợ 96.000.000 đồng và xin trả dần.

- Ngày 12/12/2019 bị đơn ông Trần Văn H1 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bác đơn khởi kiện của bà B về việc kiện đòi ông H1 trả số tiền 218.110.356 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn nguyên đơn bà Huỳnh Thị B có anh Huỳnh Duy K làm đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bà N và ông H1 trả cho bà B số tiền bảo lãnh vay 30.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 16/12/2018 đến ngày xét xử phúc thẩm trên tổng số nợ vay 179.000.000 đồng.

- Bị đơn ông H1, bà N thay đổi nội dung kháng cáo, chấp nhận trả cho bà N số tiền nợ gốc 209.000.000 đồng; không chấp nhận trả tiền lãi và xin giảm miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm do hoàn cảnh khó khăn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng;

+ Vị kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà B, bà N, ông H1. Buộc ông H1 và bà N có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền nợ gốc 209.000.000 đồng và tiền lãi. Xét đơn xin miễn án phí của ông H1, bà N có xác nhận của chịnh quyền địa phương, đề nghị giảm cho bà N và ông H1 50% án phí dân sự sơ thẩm.

Do sửa án sơ thẩm về án phí nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà B, bị đơn ông H1 và bà N kháng cáo trong hạn luật định và nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đúng quy định của pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm được quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà B đòi ông H1 và bà N trả số tiền nợ do bà B bảo lãnh cho bà N vay của bà H2 30.000.000 đồng. Xét thấy:

Giấy vay tiền lập ngày 15/12/2018 (BL số 19) do bà B cung cấp có nội dung: Bà N và ông H1 có hỏi vay tiền của bà B nhiều lần bằng tổng số tiền là 239.000.000 đồng. Trong giấy gay tiền có chữ ký và ghi họ tên của Nguyễn Thị Kim N. Người đại diện theo ủy quyền của bà B khai: trong số tiền nợ 239.000.000 đồng theo biên nhận ngày 15/12/2018 bao gồm tiền vay 149.000.000 đồng; tiền nợ hụi 60.000.000 đồng và tiền nợ do bà B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả bà H2 số tiền 30.000.000 đồng do bà N đã vay của bà H2.

Tại giấy xác nhận của bà Hồ Thị H2 lập ngày 05/12/2019 do bà B cung cấp có nội dung: Bà H2 có cho bà N vay số tiền 30.000.000 đồng và bà B là người bảo lãnh, ngày 18/11/2019 bà B đã trả thực hiện nghĩavụ bảo lãnh trả cho bà H2 30.000.000 đồng. Tuy nhiên ngoài giấy xác nhận của bà H2 do bà B cung cấp thì bà B không có chứng cứ nào khác chứng việc bà N có vay của bà H2 số tiền 30.000.000 đồng và bà B là người bảo lãnh. Bị đơn bà N cũng không thừa nhận có vay của bà H2 30.000.000 đồng và cũng không có yêu cầu bà B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả cho bà H2 số tiền 30.000.000 đồng.

Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà B về việc đòi bà N và ông H1 trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn bà N và ông H1 đồng ý trả cho bà B tiền còn lại 209.000.000 đồng (339.000.000 đồng - 30.000.000 đồng) thoe giấy nợ lập ngày 15/12/2018. Xét sự tự nguyện của ông H1 và bà N phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Nên công nhận sự tự nguyện của bà N và ông H1, ông H1 và bà N có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền nợ 209.000.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu của bà B yêu cầu trả tiền lãi trên tổng số nợ vay 179.000.000 đồng gốc từ ngày 15/12/2018 đến ngày xét xử phúc thẩm. Xét thấy:

Tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý; tại khoản 4 Điều 466 cũng quy định: Khi đến hạn mà bên vay không trả nợ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền trả với mức lãi suất được quy định tại khoản Điều 468 Bộ luật sự.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà B có anh K trình bày: Trong số tiền 239.000.000 đồng gồm có số tiền vay 179.000.000 đồng và tiền nợ hụi 60.000.000 đồng: Đối với tiền hụi bà B không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng không được chấp nhận nên số tiền vay còn lại là 149.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 15/12/2020 không xác định thời hạn. Do đó ngày 11/4/2019 bà B khởi kiện được xác định là ngày tới kỳ hạn ông H1, bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do bà N, ông H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên số tiền 149.000.000 đồng được tính lãi từ ngày 11/4/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà B, buộc bà N và ông H1 trả số tiền lãi trên số tiền vay gốc 149.000.000 đồng x 0,83%/ tháng x 07 tháng 11 ngày = 9.110.356 đồng là có căn cứ. Đối với với tiền hụi 60.000.000 đồng bà B không yêu cầu trả tiền lãi nên không xem xét để giải quyết. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bà B, ông H1 bà N. giữ nguyên án sơ thẩm về phần tiền lãi, buộc ông H1 và bà N trả cho bà B số tiền lãi là 9.110.356 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1 và bà N có đơn xin giảm miễn án phí dân sự sơ thẩm do hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi ông H1 và bà N đang cư trú. Do đó sửa án sơ thẩm, giảm cho vợ chồng ông H1, bà N 50% án phí dân sự sơ thẩm phải chịu quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông H1 và bà N còn phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm được tính là: 218.110.356 đồng x 5% x 50% = 5.452.700 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự bà B, ông H1, bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về việc buộc bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; về lãi suất chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Huỳnh Thị B, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H1, Nguyễn Thị Kim N. Sửa một phần bản án số 102/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long về án phí.

Áp dụng các Điều 463, 468, 469, 471 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B: Buộc bà Nguyễn Thị Kim N và ông Trần Văn H1 có nghĩa vụ trả cho bà B 218.110.356 đồng (trong đó: tiền gốc 209.000.000đ, tiền lãi 9.110.356 đồng)

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà B về việc kiện đòi ông H1 và bà N trả số tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi tính từ từ 15/12/2018 đến ngày 10/4/2019.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Trần Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.452.700 đồng và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0005409 ngày 11/12/2019 và biên lai thu số 0005444 ngày 23/12/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Trần Văn H1 còn phải nộp án phí là 4.852.700 đồng (Bốn triệu tám trăm năm mươi hai ngàn bảy trăm đồng).

- Bà Huỳnh Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền 300.000 đồng nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0005405 ngày 11/12/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về việc buộc bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; về lãi suất chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01;
- TAND huyện Long Hồ: 01;
- Chi cục THADS h. Long Hồ: 01;
- Các đương sự: 03;
- Tổ HC-TP và Tòa Dân sự: 02;
- Lưu hồ sơ: 02.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thúy Hồng